

Phụ lục IV

MẪU HỒ SƠ YÊU CẦU

ĐỐI VỚI DỰ ÁN PPP ÁP DỤNG HÌNH THỨC CHỈ ĐỊNH NHÀ ĐẦU TƯ THEO QUY TRÌNH THÔNG THƯỜNG

(Kèm theo Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo quyết định phê duyệt dự án]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ yêu cầu cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu]

**Tư vấn lập hồ sơ yêu cầu
(nếu có)**

[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Bên mời thầu

[ghi tên, ký tên, đóng dấu]

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT.....	4
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	5
PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	6
Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư	6
Chương II. Đánh giá hồ sơ đề xuất	30
Chương III. Biểu mẫu dự thầu	40
PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN	62
PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	65

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đề xuất. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đề xuất, mở thầu, đánh giá hồ sơ đề xuất.

Chương II. Đánh giá hồ sơ đề xuất

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ đề xuất.

Chương III. Biểu mẫu dự thầu

Chương này gồm quy định về các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; thiết kế, dự toán (trường hợp áp dụng) đã được phê duyệt của dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án. Trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo hồ sơ yêu cầu các tài liệu này.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Dự án BT	Dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật PPP	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15)
Nghị định số 243/2025/NĐ-CP	Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
Nghị định số 257/2025/NĐ-CP	Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao
Vốn nhà nước hỗ trợ	Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung lựa chọn nhà đầu tư

1.1. _____ [ghi tên Bên mời thầu] mời nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất để thực hiện dự án _____ [ghi tên dự án theo quyết định phê duyệt dự án] được mô tả tại báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

1.2. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư:

a) Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp⁽¹⁾ là: ____ [ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư dự án không bao gồm vốn nhà nước quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Luật PPP; không áp dụng đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất áp dụng phương thức thanh toán quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 257/2025/NĐ-CP; không áp dụng đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao].

b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu là: ____ [ghi giá trị bằng số và bằng chữ; không áp dụng đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất áp dụng phương thức thanh toán quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 257/2025/NĐ-CP].

1.3. Yêu cầu về giá, phí sản phẩm, dịch vụ công:

[- Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau:

“Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công tối đa: ____ ” [ghi giá, phí sản phẩm, dịch vụ công bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng được phê duyệt];

- Trường hợp không áp dụng bên mời thầu ghi: “Không áp dụng”].

1.4. Yêu cầu về vốn nhà nước xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng:

⁽¹⁾ Yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật PPP và trùng khớp với Mục 2 Chương II – Đánh giá HSĐX.

[- Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau:

“+ Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng tối đa: ____ [ghi vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng bằng số và bằng chữ trong quyết định phê duyệt dự án]

+ Phương thức quản lý và sử dụng: ____ ” [ghi phương thức quản lý sử dụng phần vốn này theo một hoặc các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 70 Luật PPP]

- Trường hợp không áp dụng, bên mời thầu ghi: “Không áp dụng”].

1.5. Yêu cầu về đề xuất giá trị nộp ngân sách nhà nước, thời hạn hợp đồng

[Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau:

“Yêu cầu đề xuất nộp ngân sách nhà nước tối thiểu: ____ ” [ghi đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng được phê duyệt.

Hoặc

“Thời hạn hợp đồng tối đa: ____ ” [ghi thời hạn hợp đồng trong báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng được phê duyệt

- Trường hợp không áp dụng, bên mời thầu ghi: “Không áp dụng”].

1.6. Yêu cầu về tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước (áp dụng đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất):

[- Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau: “Nhà đầu tư tự đề xuất tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước trong hồ sơ đề xuất”.

- Trường hợp không áp dụng, bên mời thầu ghi: “Không áp dụng”].

1.7. Yêu cầu về giá trị thanh toán (áp dụng đối với dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước):

[- Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau:

“Giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước tối đa: ____ ” [ghi giá trị bằng số và bằng chữ. Giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước tối đa bằng tổng mức đầu tư công trình dự án BT tại quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh và các chi phí khác sau giai đoạn xây dựng, trong đó có lãi vay sau giai đoạn xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư];

- Trường hợp không áp dụng bên mời thầu ghi: Không áp dụng”].

1.8. Yêu cầu về bảo lãnh của ngân hàng thương mại (áp dụng đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất áp dụng phương thức thanh toán quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 257/2025/NĐ-CP):

[- Trường hợp áp dụng, bên mời thầu ghi như sau:

“Nhà đầu tư nộp cùng hồ sơ đề xuất cam kết nộp bảo lãnh của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng giá trị công trình BT tại quyết định phê duyệt dự toán công trình BT trước thời điểm ký kết hợp đồng; bảo đảm bảo lãnh của ngân hàng có hiệu lực tại thời điểm hợp đồng dự án BT có hiệu lực theo cam kết quy định tại khoản 6 Điều 10, khoản 6 Điều 13, điểm d khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 257/2025/NĐ-CP .”

- Trường hợp không áp dụng bên mời thầu ghi: “Không áp dụng”].

1.9. Thông tin cơ bản về dự án:

Căn cứ nội dung theo quyết định phê duyệt dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, Bên mời thầu tóm tắt thông tin về dự án, bao gồm:

a) Tên dự án: _____

b) Loại hợp đồng dự án: _____

c) Tên cơ quan có thẩm quyền: _____

d) Tên cơ quan ký kết hợp đồng: _____

đ) Tên đơn vị chuẩn bị dự án/Tên nhà đầu tư đề xuất dự án (nếu có): _____

e) Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án: _____

g) Yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp²: _____

h) Tổng mức đầu tư; vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (nếu có)³: _____

i) Tiến độ; thời gian xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng: _____

⁽²⁾ Không áp dụng đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ mới

⁽³⁾ Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, tổng mức đầu tư được xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

k) Thời hạn hợp đồng dự án: _____

l) Phương thức thanh toán (đối với dự án BT): _____

m) Giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán (được cập nhật theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất/Giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước (đối với dự án BT thanh toán bằng _____ ngân _____ sách _____ nhà nước): _____

n) Các nội dung khác: _____

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP gồm các hành vi theo quy định tại Điều 10 Luật PPP.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư

Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

3.1. Có đăng ký thành lập, hoạt động được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà nhà đầu tư đang hoạt động.

3.2. Hạch toán tài chính độc lập; bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 30 của Luật PPP, Điều 29 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Kể từ thời điểm phát hành HSYC, nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với nhà thầu tư vấn sau đây:

- Nhà thầu tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

- Nhà thầu tư vấn lập, thẩm định HSYC; đánh giá HSDX; thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, tư vấn kiểm định dự án PPP.

Thông tin về các nhà thầu tư vấn như sau:

- + Nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây

dựng: ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn], trừ trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư đó tham dự thầu;

+ Tư vấn thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

+ Tư vấn thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

+ Tư vấn lập HSYC (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

+ Tư vấn thẩm định HSYC (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

+ Tư vấn đánh giá HSĐX (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];

+ Tư vấn kiểm định dự án PPP (nếu có): ____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn].

b) Kể từ thời điểm phát hành hồ sơ yêu cầu, nhà đầu tư tham dự thầu và nhà thầu tư vấn quy định tại điểm a Mục này không cùng có tỷ lệ sở hữu trên 30% vốn cổ phần, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, vốn góp của một tổ chức, cá nhân khác đối với từng bên. Đối với trường hợp nhà đầu tư liên danh, nhà thầu tư vấn liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn được xác định như sau:

- Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác và nhà đầu tư liên danh được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : là tỷ lệ sở hữu vốn, cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức, cá nhân với nhà đầu tư tham dự thầu thứ i .

Y_i : là tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh thứ i tại thỏa thuận

liên danh.

n : là số thành viên tham gia trong liên danh.

- Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác và nhà thầu tư vấn liên danh được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : là tỷ lệ sở hữu vốn, cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức, cá nhân với nhà thầu tư vấn thứ i tại thỏa thuận liên danh.

Y_i : là tỷ lệ phân chia trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh thứ i tại thỏa thuận liên danh.

n : là số thành viên tham gia trong liên danh.

c) Đối với nhà đầu tư được tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp tham dự thầu dự án PPP: Nhà đầu tư tham dự thầu dự án PPP với nhà thầu tư vấn thực hiện một trong các công việc tư vấn quy định tại điểm a Mục này không có mối quan hệ công ty mẹ, công ty con kể từ khi phát hành hồ sơ yêu cầu hoặc kể từ khi nhà thầu tư vấn ký hợp đồng thực hiện công việc tư vấn tùy theo hành động nào xảy ra trước.

d) Việc xác định tỷ lệ sở hữu vốn giữa các bên căn cứ theo tỷ lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

3.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP.

3.5. Nhà đầu tư thành lập theo pháp luật nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Mục 4. Nội dung HSYC

4.1. HSYC gồm có Phần 1, Phần 2, Phần 3, trong đó gồm các nội dung sau đây:

a) Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư

- Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

- Chương II. Đánh giá HSDX

- Chương III. Biểu mẫu dự thầu

- b) Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án

- c) Phần 3. Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng

4.2. Thư mời thầu do bên mời thầu phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSYC.

4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSYC, tài liệu giải thích làm rõ HSYC, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSYC không do bên mời thầu cung cấp.

4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu dự thầu, yêu cầu thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX.

Mục 5. Chi phí dự thầu

Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDX. Trong mọi trường hợp, bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà đầu tư.

Mục 6. Ngôn ngữ của HSDX

[Căn cứ hình thức lựa chọn nhà đầu tư, ghi rõ ngôn ngữ của HSDX:

- *Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế:*

HSDX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng: ____ *[Trường hợp HSYC được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSYC được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDX căn cứ vào nội dung của bản HSYC bằng tiếng Anh”].*

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác kèm theo bản dịch sang: ____ *[Trường hợp HSYC được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSYC được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDX”].* Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước:

HSDX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt.

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.].

Mục 7. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà đầu tư chuẩn bị phải gồm các thành phần sau đây:

7.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 8 CDNDT;

7.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 8 CDNDT;

7.3. Giấy ủy quyền ký đơn dự thầu theo quy định tại Mẫu số 02 Chương III- Biểu mẫu dự thầu;

7.4. Thỏa thuận liên danh (đối với nhà đầu tư liên danh) theo quy định tại Mẫu số 03 Chương III- Biểu mẫu dự thầu;

7.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 9 CDNDT;

7.6. Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 11 CDNDT;

7.7. Đề xuất về tài chính – thương mại và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 CDNDT;

7.8. Nội dung khác: _____ [ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDX ngoài các nội dung quy định tại các Mục 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6 và 7.7 nêu trên trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].

Mục 8. Đơn dự thầu

8.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự thầu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự thầu). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự thầu) phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu.

8.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên được phân công thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 8.1 CDNDT.

Mục 9. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực của nhà đầu tư

9.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư gồm:

a) Đối với nhà đầu tư độc lập, nhà đầu tư cung cấp bản chụp một trong các tài liệu sau đây để chứng minh tư cách hợp lệ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

b) Đối với nhà đầu tư liên danh, nhà đầu tư cung cấp các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh và văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương III – Biểu mẫu dự thầu.

9.2. Tài liệu chứng minh năng lực của nhà đầu tư gồm:

a) Năng lực của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương III – Biểu mẫu dự thầu. Đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực là đồng tiền quy định tại điểm b Mục này. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực không phải đồng tiền dùng để đánh giá quy định tại điểm b Mục này thì nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng quy định tại điểm c Mục này; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực và đồng tiền dùng để đánh giá thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDX.

b) Đồng tiền dùng để đánh giá là: ____ [ghi cụ thể 01 loại đồng tiền.

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước, đồng tiền dùng để đánh giá là “VND”.

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, đồng tiền đánh giá có thể là VND hoặc USD hoặc EUR...].

c) Thời điểm, căn cứ xác định tỷ giá quy đổi:

- Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: _____ [ghi cụ thể ngày, tháng, năm].

- Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: _____ [ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)].

- Trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực và đồng tiền dùng để đánh giá thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDX:

Đồng tiền trung gian: _____ [ghi cụ thể 01 loại đồng tiền].

9.3. Nhà đầu tư nộp cùng với HSDX các tài liệu sau đây: _____ [ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDX trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất, loại hợp đồng của dự án cụ thể. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].

Mục 10. Đồng tiền dự thầu

Đồng tiền dự thầu là: _____ [ghi cụ thể loại đồng tiền.

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước, đồng tiền dự thầu là “VND”.

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, căn cứ theo yêu cầu của dự án mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà đầu tư chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau nhưng không quá 03 đồng tiền, ví dụ: VND, USD, EUR. Trường hợp trong số các đồng tiền đó có VND thì phải quy đổi về VND. Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà đầu tư chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ và sơ bộ giá trị ngoại tệ tương ứng; các loại chi phí trong nước phải được chào bằng VND, các chi phí nước ngoài liên quan đến dự án thì được chào bằng đồng tiền nước ngoài, VND].

Trường hợp HSYC quy định nhà đầu tư được chào thầu bằng 02 hoặc 03 loại đồng tiền thì bổ sung các nội dung về đồng tiền dùng để đánh giá, đồng tiền trung gian theo quy định tại mục 9.2 Chương này.].

Mục 11. Đề xuất về kỹ thuật

Đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư gồm các nội dung sau:

[Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu quy định nội dung đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư, trong đó có thể gồm:

a) Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án bảo đảm hoàn thành, chuyển giao công trình dự án; cung cấp công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ liên tục, ổn định với chất lượng được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ trên cơ sở yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;

c) Phân kỳ hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng sản phẩm khoa học, công nghệ theo 02 giai đoạn, gồm: giai đoạn nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và giai đoạn ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; thuyết minh sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong giai đoạn 1 của dự án: phương pháp nghiên cứu; sản phẩm, kết quả nghiên cứu dự kiến, yêu cầu chất lượng, nhu cầu sử dụng tài nguyên và nguồn nhân lực; khả năng thương mại hóa, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; đề xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu tại giai đoạn 2 của dự án (đối với dự án PPP kết hợp hoạt động đầu tư, xây dựng, vận hành hạ tầng khoa học, công nghệ và hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo);

d) Phương án vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án;

đ) Các yêu cầu về môi trường, an toàn được xem xét trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường;

e) Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.].

Mục 12. Đề xuất thay thế phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX

12.1. Nhà đầu tư được đề xuất phương án kỹ thuật thay thế ngoài phương án nêu trong báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng được phê duyệt.

12.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế.

Mục 13. Đề xuất về tài chính – thương mại

13.1. Đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư gồm:

[Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu quy định nội dung đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư, trong đó có thể gồm:

a) Bảng tổng hợp, bảng chi tiết phương án tài chính của nhà đầu tư (không áp dụng đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất);

b) Cam kết nguồn cung cấp tài chính cho nhà đầu tư (trường hợp áp dụng).].

13.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC trên cơ sở phương án tài chính, giá trị mà nhà đầu tư đề xuất về tài chính – thương mại.

Mục 14. Thời gian có hiệu lực của HSDX

14.1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là ____ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện các công việc]*.

HSDX có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

14.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà đầu tư được đề nghị chỉ định gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDX thì HSDX của nhà đầu tư không được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 15. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX

15.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDX gồm: 01 bản gốc HSDX và ____ bản chụp HSDX *[ghi số lượng bản chụp cần thiết nhưng không quá 03 bản]*.

Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX.

Trường hợp có phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 CDNDT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và ____ bản chụp *[ghi số lượng bản chụp cần thiết nhưng không quá 03 bản]*.

15.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp thì HSDX của nhà đầu tư đó bị loại.

15.3. Bản gốc của HSDX phải được đánh máy, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có).

15.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDX nêu tại Mục 7 CDNDT phải được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh được phân công thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm tại văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

15.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX

16.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDX thì hồ sơ sửa đổi, thay thế phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”; đồng thời đánh dấu rõ các bản gốc, bản chụp tương ứng.

Các túi đựng: HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế, phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư.

16.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin:

a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư;

b) Tên người nhận là tên bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNDT;

c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.1 CDNDT;

d) Ghi dòng chữ cảnh báo: “không được mở trước thời điểm mở HSDX” đối với túi đựng HSDX và túi đựng HSDX sửa đổi, HSDX thay thế (nếu có).

16.3. Trong trường hợp HSDX gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDX của bên mời thầu được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDX, tránh thất lạc, mất mát.

16.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển đến bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDX theo hướng dẫn quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 CDNDT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.

Mục 17. Sửa đổi, làm rõ, bổ sung, thay thế, rút HSDX

17.1. Sau khi nộp HSDX, nhà đầu tư có thể sửa đổi, làm rõ, bổ sung, thay thế, rút HSDX bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên mời thầu. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại Mục 7 CDNDT chứng minh tư cách hợp lệ của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, làm rõ, bổ sung, thay thế hoặc rút HSDX.

17.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDX phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNDT.

17.3. Văn bản đề nghị rút HSDX phải bảo đảm được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 18 CDNDT. HSDX mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.

Mục 18. Thời điểm đóng thầu

18.1. Bên mời thầu tiếp nhận HSDX của nhà đầu tư được đề nghị chỉ định trước thời điểm đóng thầu là: ____ giờ__ phút, ngày__tháng__năm__ [*ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSYC đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 15 ngày và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDX.*].

18.2. Bên mời thầu tiếp nhận HSDX của nhà đầu tư trước thời điểm đóng thầu và quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Nhà đầu tư có thể đề xuất đóng thầu và mở thầu sớm hơn quy định trong HSYC. Trong trường hợp này, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét chấp thuận hoặc bên mời thầu quyết định thời điểm đóng thầu và thời điểm mở thầu (trường hợp được ủy quyền phê duyệt HSYC).

Mục 19. Bảo mật

Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý HSDX đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Thông tin của HSDX (trừ thông tin được công khai khi mở HSDX) và thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDX phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư khác hay bất kỳ người nào không liên quan chính thức đến quá trình chỉ định nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Mục 20. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung

20.1. Khi đánh giá HSDX, bên mời thầu phải kiểm tra các nội dung về kỹ thuật, tài chính – thương mại của HSDX để xác định HSDX không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung chủ yếu, trong đó:

a) “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu quy định tại HSYC;

b) “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSYC;

c) “Bỏ sót nội dung” là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu quy định trong HSYC.

20.2. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản HSYC, bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDX.

20.3. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản HSYC, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai khác không nghiêm trọng trong HSDX liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của bên mời thầu thì HSDX của nhà đầu tư có thể sẽ bị loại.

20.4. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản HSYC, bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư. Theo đó, đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư sẽ được điều chỉnh cho các hạng mục sai khác so với yêu cầu của HSYC theo quy định tại Mục 23.2 CDNĐT.

20.5. HSDX đáp ứng cơ bản là HSDX đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSYC mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDX mà nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sẽ:

a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi và yêu cầu về mặt kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ công;

b) Gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSYC đối với quyền hạn của bên mời thầu, cơ quan ký kết hợp đồng dự án, cơ quan có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong hợp đồng.

Mục 21. Mở thầu

21.1. Thời điểm mở HSDX là: __ giờ__ phút, ngày__tháng __năm __ [*ghi thời điểm mở thầu bảo đảm bắt đầu ngay trong vòng 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu*] tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:

- Số nhà/số tầng/số phòng: _____

- Tên đường, phố: _____

- Thành phố: _____

Việc mở HSDX phải được tiến hành công khai trước sự chứng kiến của đại diện nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDX và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu.

21.2. Bên mời thầu kiểm tra niêm phong, mở HSDX của nhà đầu tư và đọc rõ các thông tin sau:

- a) Tên nhà đầu tư;
- b) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDX, HSDX sửa đổi (nếu có) hoặc HSDX thay thế (nếu có);
- c) Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về tài chính - thương mại trong đơn dự thầu;
- d) Đề xuất tăng hoặc giảm giá trị quy định tại điểm c Mục này (nếu có);
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- e) Các thông tin liên quan khác (nếu có).

21.3. Biên bản mở thầu gồm các thông tin quy định tại Mục 21.2 CDNDT, phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và nhà đầu tư được đề nghị chỉ định; được gửi cho nhà đầu tư. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực.

21.4. Đại diện của bên mời thầu ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); các nội dung quan trọng của HSDX.

21.5. Đối với trường hợp sửa đổi HSDX, bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSDX, HSDX sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSDX ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDX nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

21.6. Đối với trường hợp thay thế HSDX, bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSDX, HSDX thay thế. HSDX ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDX nếu văn bản đề nghị thay thế HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Mục 22. Đánh giá HSDX

22.1. Đánh giá HSDX theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II - Đánh giá hồ sơ đề xuất. Trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất, nhà đầu tư được làm rõ, sửa đổi, bổ sung HSDX.

22.2. Trường hợp phương án tài chính, đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư có các thông số đầu vào hoặc giá trị do nhà đầu tư đề xuất về giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, đề xuất nộp ngân sách nhà nước, thời hạn hợp đồng, giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước tối đa cho nhà đầu tư, tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước cao hoặc thấp bất thường, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, dịch vụ được cung cấp, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu nhà đầu tư làm rõ về tính khả thi của phương án tài chính, đề xuất về tài chính – thương mại. Trong trường hợp này, bên mời thầu sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập tổ thẩm định liên ngành để yêu cầu nhà đầu tư làm rõ các yếu tố cấu thành trong phương án tài chính, đề xuất về tài chính – thương mại theo hướng sau đây:

- a) Các yếu tố kinh tế liên quan đến đề xuất về kỹ thuật để xây dựng công trình, cung cấp dịch vụ công;
- b) Giải pháp kinh tế được áp dụng hoặc các lợi thế đặc biệt của nhà đầu tư dẫn đến lợi thế trong đề xuất phương án tài chính;
- c) Nguồn gốc của giải pháp kỹ thuật, công nghệ để triển khai thực hiện dự án, trong đó phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật.

Trường hợp thỏa mãn các điều kiện quy định tại các điểm a, b và c của Mục này và việc làm rõ của nhà đầu tư thuyết phục thì ĐXTCTM của nhà đầu tư được tiếp tục xem xét, đánh giá. Trong trường hợp này, nếu nhà đầu tư được chấp nhận trúng thầu, để đề phòng rủi ro, cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng lớn hơn quy định trong HSYC nhưng không quá 3% tổng mức đầu tư của dự án.

Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định tại điểm a, b và c của Mục này và việc làm rõ của nhà đầu tư không đủ thuyết phục dẫn đến phương án tài chính của nhà đầu tư được đánh giá là không khả thi thì ĐXTCTM của nhà đầu tư sẽ bị loại.

Mục 23. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch

23.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDX gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung

thuộc đề xuất về tài chính – thương mại và các lỗi khác. Việc sửa lỗi được thực hiện như sau:

a) Lỗi số học gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá hàng hóa, dịch vụ hoặc giá trị nộp ngân sách nhà nước hoặc các tiêu chuẩn, tiêu chí tài chính khác.

b) Lỗi nhầm đơn vị:

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSDX;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.

c) Các lỗi khác:

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý;

- Nếu có sự khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính – thương mại thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

23.2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong HSDX so với yêu cầu của HSYC.

Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của dự án, bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định một số nội dung liên quan đến yêu cầu đầu ra tổng thể của việc thực hiện dự án (như quy mô công suất...) và giới hạn tỷ lệ sai lệch tương ứng để làm cơ sở hiệu chỉnh.

Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch thực hiện trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các nội dung được hiệu chỉnh phải bảo đảm nguyên tắc không phải là các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại Mục 20.2 CDNDT.

23.3. Sau khi phát hiện lỗi, sai lệch, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch, việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo để nhà đầu tư có ý kiến về nội dung đó. Trong thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi bên mời thầu về các nội dung sau đây:

a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSDX của nhà đầu tư đó sẽ bị loại;

b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để bên mời thầu xem xét, quyết định.

Mục 24. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu

Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

24.1. Có HSDX hợp lệ;

24.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực;

24.3. Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (trừ trường hợp dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, dự án BT do nhà đề xuất quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP);

24.4. Đáp ứng yêu cầu về tài chính – thương mại.

Mục 25. Hủy thầu

25.1. Bên mời thầu thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:

a) HSDX không đáp ứng được các yêu cầu của HSYC;

b) Thay đổi mục tiêu, quy mô đã ghi trong HSYC;

c) HSYC không tuân thủ quy định của Luật PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án;

d) Việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư không tuân thủ quy định của Luật PPP hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến hạn chế cạnh tranh giữa các nhà đầu tư;

đ) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

25.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, d và đ Mục 25.1 CDNDT phải bồi thường chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

25.3. Hủy thầu được thực hiện trong thời gian từ ngày phát hành HSYC đến trước ngày ký kết hợp đồng.

Mục 26. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư

26.1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống; đồng thời, gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến nhà đầu tư tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

- a) Tên dự án, địa điểm và quy mô của dự án;
- b) Tên nhà đầu tư trúng thầu;
- c) Loại hợp đồng;
- d) Giá trị đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư;
- đ) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn;
- e) Các nội dung khác (nếu có).

26.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 25.1 CDNĐT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.

26.3. Cùng với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng, gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo quy định tại các Mục 27, 28 và 29 CDNĐT cho nhà đầu tư trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng.

Mục 27. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng

27.1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư trúng thầu được mời đàm phán, hoàn thiện hợp đồng theo thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng quy định tại Mục 26.3 CDNĐT.

27.2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:

- a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- b) Báo cáo đánh giá HSDX;

- c) HSDX và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSDX (nếu có) của nhà đầu tư;
- d) HSYC và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSYC (nếu có).

27.3. Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:

- a) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC;
- b) Không được làm thay đổi nội dung chủ yếu của HSDX.

27.4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:

- a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung được đề xuất trong HSDX nhưng chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b) Đàm phán để xác định mức tỷ lệ bắt đầu thực hiện chia sẻ phần tăng doanh thu; mức tỷ lệ bắt đầu thực hiện phần giảm doanh thu với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có);
- c) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của hợp đồng;
- d) Đàm phán về các nội dung liên quan đến dự án để có cơ sở xác lập các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng;
- đ) Các nội dung cần thiết khác.

27.5. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong HSDX đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của HSYC, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

27.6. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với nhà đầu tư không thành công, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 của Luật PPP.

27.7. Trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, các bên tham gia tiến hành hoàn thiện dự thảo hợp đồng.

27.8. Trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng và trước thời điểm ký kết hợp đồng, nhà đầu tư nộp bảo lãnh của ngân hàng thương mại theo quy

định của pháp luật về tổ chức tín dụng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng giá trị công trình BT tại quyết định phê duyệt dự toán công trình BT; bảo đảm bảo lãnh của ngân hàng có hiệu lực tại thời điểm hợp đồng dự án BT có hiệu lực theo cam kết quy định tại khoản 6 Điều 10, khoản 6 Điều 13, điểm d khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 257/2025/NĐ-CP (áp dụng đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất áp dụng phương thức thanh toán quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 257/2025/NĐ-CP).

Mục 28. Ký kết hợp đồng

28.1. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, kết quả đàm phán hợp đồng, HSDX còn hiệu lực, thông tin năng lực của nhà đầu tư đã được cập nhật tại thời điểm ký kết và HSYC. Đối với hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, trường hợp giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước do nhà đầu tư trúng thầu đề xuất cao hơn dự toán công trình BT được phê duyệt thì hợp đồng BT được thanh toán trên cơ sở dự toán được phê duyệt; trường hợp giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước do nhà đầu tư trúng thầu đề xuất thấp hơn dự toán công trình BT được phê duyệt thì hợp đồng BT được thanh toán trên cơ sở dự toán được phê duyệt nhưng không vượt quá giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước mà nhà đầu tư đã đề xuất.

28.2. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP hợp thành một bên và cùng ký vào hợp đồng với cơ quan ký kết hợp đồng.

28.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào hợp đồng.

Mục 29. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

29.1. Nhà đầu tư phải thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo:

a) Hình thức: _____ [bên mời thầu lựa chọn một trong các hình thức đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam].

Trường hợp quy định bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh thì nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm

phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải được lập theo Mẫu số 11 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

b) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là ____ [ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 1,5% đến 3% tổng mức đầu tư của dự án (đối với dự án có tổng mức đầu tư đến 300 tỷ đồng), từ 1% đến 1,5% tổng mức đầu tư của dự án (đối với dự án có tổng mức đầu tư trên 300 tỷ đồng), 1,5% tổng mức đầu tư của dự án thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có tổng mức đầu tư đến 300 tỷ đồng, 1% tổng mức đầu tư của dự án thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có tổng mức đầu tư trên 300 tỷ đồng].

c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày ____ [Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể mà quy định thời hạn này để bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày doanh nghiệp dự án hoàn thành nghĩa vụ trong giai đoạn xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo hợp đồng.]

29.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, để bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng được hoàn trả sau khi hoàn thành nghĩa vụ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

Ví dụ: Cơ quan có thẩm quyền sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi hoặc không chậm hơn ____ ngày kể từ khi doanh nghiệp dự án hoàn thành nghĩa vụ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

hoặc

Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, cơ quan có thẩm quyền sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi hoặc không chậm hơn ____ ngày kể từ khi doanh nghiệp dự án hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp tổng mức đầu tư dự án bao gồm cả giá trị nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư, sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp khoản tiền này vào ngân sách nhà nước, nhà đầu tư được hoàn trả hoặc giải tỏa phần bảo đảm thực hiện hợp đồng với tỷ lệ tương ứng với giá trị nộp vào ngân sách nhà nước của nhà đầu tư. Phần

bảo đảm thực hiện hợp đồng còn lại được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP hoàn thành nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng.].

29.3. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng sau khi ký kết hợp đồng;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 52 của Luật PPP;
- c) Không gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp cần kéo dài thời gian xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

Mục 30. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị theo địa chỉ sau:

- a) Địa chỉ của bên mời thầu: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời thầu].*
- b) Địa chỉ của người có thẩm quyền: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án].*
- c) Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị].*

Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 95 Luật PPP và các Điều 59, 60, 61 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP .

Mục 31. Xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

31.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

31.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 31.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân, bao gồm cả cá nhân thuộc bên mời thầu, tổ chuyên gia, đơn vị thẩm định lựa chọn nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP còn bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống trong thời hiệu là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm, cụ thể:

a) Từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Luật PPP;

b) Từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm khoản 7, 8 và 12 Điều 10 của Luật PPP;

c) Từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 3, 6, 9, 10 và 11 Điều 10 của Luật PPP.

31.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP theo quy định tại Mục 31.2 CDNĐT áp dụng như sau:

a) Chỉ cấm tham gia hoạt động đối với thành viên liên danh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 7, 11 và 12 Điều 10 của Luật PPP;

b) Cấm tham gia với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên có hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

31.4. Công khai xử lý vi phạm:

a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan;

b) Quyết định xử lý vi phạm được cơ quan xử lý vi phạm đăng tải lên Hệ thống.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSDX, bao gồm: Đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực của nhà đầu tư; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài

chính - thương mại; các thành phần khác thuộc HSDX theo quy định tại Mục 7 CDNDT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có bản gốc hồ sơ;

b) Có đơn dự thầu hợp lệ, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSYC, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Thời hạn hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 14 CDNDT;

d) Giá trị đề xuất về tài chính - thương mại ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ; không đề xuất giá trị khác nhau và phải phù hợp với phương án tài chính của nhà đầu tư; không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện khác dẫn đến gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu;

đ) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh hợp lệ, được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu dự thầu;

e) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư PPP, không phải là nhà đầu tư đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

g) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNDT.

Nhà đầu tư có HSDX được coi là “Hợp lệ” khi tất cả điều kiện được đánh giá là “Đáp ứng”. HSDX của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi bất kỳ một điều kiện được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó, HSDX của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá chi tiết về năng lực theo Mục 2 Chương này.

Mục 2. Đánh giá về năng lực

2.1. Phương pháp đánh giá

2.1.1. Việc đánh giá về năng lực sử dụng phương pháp đạt hoặc không đạt.

2.1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Vốn vay của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn vay của các thành viên liên danh.

2.1.3. Nhà đầu tư trong nước được sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài để tham dự thầu. *[Ghi nội dung này nếu dự án áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong nước nhưng cần thúc đẩy sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý quốc tế theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP].*

2.1.4. Các nhà đầu tư sau đây không phải chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu: doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp

sáng tạo; trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

2.1.5. Đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất áp dụng phương thức thanh toán quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 257/2025/NĐ-CP, nhà đầu tư không phải chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu và vốn vay nhưng phải có cam kết nộp bảo lãnh của ngân hàng thương mại với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng giá trị công trình BT tại quyết định phê duyệt dự toán công trình BT để bảo lãnh nghĩa vụ triển khai công trình dự án BT.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực của nhà đầu tư gồm đánh giá về năng lực tài chính, khả năng thu xếp vốn; lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với dự án đã và đang thực hiện; lịch sử bị ngừng hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư của nhà đầu tư tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai dự án (nếu có).

Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định nhà đầu tư phải có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu, tổ chuyên gia phải xác định tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự trong HSYC theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

Việc đánh giá về năng lực được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu để được đánh giá là đạt	Tài liệu cần nộp
1	Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽¹⁾ : ____ [<i>ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư bằng số và bằng chữ theo quy định tại Mục 1.2 CDNĐT, bảo đảm vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư dự án không bao gồm vốn nhà nước quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Luật PPP</i>]	Mẫu số 05
2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động ⁽²⁾	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động tối thiểu là: ____ [<i>ghi giá trị theo quy định tại Mục 1.2 CDNĐT</i>]	Mẫu số 05 và Mẫu số 06
3	Yêu cầu về kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với dự án đã và đang thực hiện ⁽³⁾		Mẫu số 07
4	Yêu cầu về lịch sử bị ngừng hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư của nhà đầu tư tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển	Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà đầu tư không có từ 02 dự án PPP trở lên bị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của nhà đầu tư tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai dự án.	

	khai dự án (nếu có).		
--	----------------------	--	--

Ghi chú:

(1) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ:

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có);

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán kể từ thời điểm thành lập đến thời điểm tham gia dự án PPP hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán; đồng thời, đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP;

- Trường hợp tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và đảm bảo tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định;

- Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm gửi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án PPP, làm cơ sở giám sát huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 05 và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 06 tại Chương III – Biểu mẫu dự thầu.

(2) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 06 Chương III – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm huy động của nhà đầu tư.

(3) Đánh giá về lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện.

Nhà đầu tư phải kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện theo Mẫu số 07 Chương III – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu, tổ chuyên gia phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDX sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSYC, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

(4) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Đối với trường hợp nhà đầu tư chưa có dự án tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai thực hiện dự án, bên mời thầu không đánh giá nội dung này trong HSDX của nhà đầu tư.

Mục 3. Đánh giá về kỹ thuật (không áp dụng đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất)

3.1. Phương pháp đánh giá

3.1.1. Việc đánh giá về mặt kỹ thuật sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt.

Các tiêu chuẩn tổng quát được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt. Các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt. Các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt, chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó. Tiêu chuẩn tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả tiêu chuẩn chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

3.1.2. Tiêu chuẩn đánh giá là các tiêu chuẩn đánh giá tổng quát, gồm:

a) Các tiêu chuẩn chi tiết cơ bản, chiếm ____ % tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó [*quy định giá trị nhưng không được thấp hơn 70%*];

b) Các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản, chiếm ____ % tổng số các tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát đó [*quy định giá trị nhưng không được cao hơn 30%*].

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

[*Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu, tổ*

chuyên gia quy định cụ thể các tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về kỹ thuật theo phương pháp đánh giá được áp dụng theo quy định tại Mục 3.1 Chương này. Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư đối với các nội dung sau đây:

3.2.1. Tiêu chuẩn về chất lượng, công suất, hiệu suất công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng:

a) Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ trên cơ sở quy mô, công suất, tổng mức đầu tư công trình dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan; tiêu chuẩn chất lượng, định mức của ngành; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ; rủi ro về kỹ thuật, công nghệ (nếu có) (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M);

b) Phân kỳ hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng sản phẩm khoa học, công nghệ theo 02 giai đoạn, gồm: giai đoạn nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và giai đoạn ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; thuyết minh sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong giai đoạn 1 của dự án: phương pháp nghiên cứu; sản phẩm, kết quả nghiên cứu dự kiến, yêu cầu chất lượng, nhu cầu sử dụng tài nguyên và nguồn nhân lực (đối với dự án PPP kết hợp hoạt động đầu tư, xây dựng, vận hành hạ tầng khoa học, công nghệ và hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo);

c) Phương án về việc cung cấp nguyên liệu đầu vào chủ yếu cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh (không áp dụng đối với loại hợp đồng BT);

d) Nhà đầu tư có thể đề xuất phương án kỹ thuật, công nghệ khác đáp ứng chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật và mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

3.2.2. Tiêu chuẩn về chất lượng, tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng:

a) Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công cung cấp thông qua chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật;

b) Yêu cầu về phương thức giám sát để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ổn định, liên tục, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng;

c) Yêu cầu cung cấp bảo lãnh bảo đảm tính liên tục (nếu cần thiết).

3.2.3. Tiêu chuẩn về phương án tổ chức vận hành, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (không áp dụng đối với loại hợp đồng BT):

a) Yêu cầu về phương án tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của dự án;

b) Yêu cầu về phương án để cơ quan có thẩm quyền phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong quá trình kinh doanh hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của dự án;

c) Yêu cầu về khả năng thương mại hóa, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; đề xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu tại giai đoạn 2 của dự án (đối với dự án PPP kết hợp hoạt động đầu tư, xây dựng, vận hành hạ tầng khoa học, công nghệ và hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo).

3.2.4. Tiêu chuẩn về môi trường, an toàn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Yêu cầu về phương án bảo vệ môi trường và an toàn mà nhà đầu tư phải bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng (không áp dụng đối với loại hợp đồng O&M), quản lý, vận hành, cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ công (không áp dụng đối với loại hợp đồng BT);

b) Yêu cầu về đánh giá tác động tiêu cực đối với môi trường và biện pháp khắc phục.

3.2.5. Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật khác (nếu cần thiết): Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn về kỹ thuật khác phù hợp với tính chất, lĩnh vực, đặc điểm dự án cụ thể.

3.2.6. Đối với dự án có hạng mục sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, HSYC quy định nhà đầu tư chịu trách nhiệm xác định hạng mục sử dụng vốn đầu tư công trong HSDX].

Mục 4. Đánh giá về tài chính – thương mại

4.1. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch

Việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại Mục 23 CDNĐT.

4.2. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về tài chính – thương mại (không áp dụng đối với hợp đồng BT)

[4.2.1. Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu phải xác định một trong các phương pháp dưới đây để đánh giá tính đáp ứng của nhà đầu tư đối với yêu cầu về tài chính - thương mại:

4.2.1.1. Phương pháp dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công

Phương pháp dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được áp dụng đối với dự án mà giá, phí sản phẩm, dịch vụ công là tiêu chuẩn để đánh giá về tài chính – thương mại, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án; thời hạn hợp đồng và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSYC.

Phương pháp dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thường được áp dụng đối với trường hợp mà căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể và quy định của pháp luật về giá, phí, bên mời thầu quy định cấu trúc giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, lộ trình điều chỉnh mức giá, phí dịch vụ (gồm điều kiện điều chỉnh và mốc điều chỉnh) để làm cơ sở đánh giá mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công nhà đầu tư đề xuất.

Nhà đầu tư đề xuất giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (sau khi được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch) không cao hơn yêu cầu về mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công tại HSYC được đề nghị trúng thầu.

4.2.1.2. Phương pháp dựa trên tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (không áp dụng đối với dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP)

Phương pháp dựa trên tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng được áp dụng đối với dự án mà vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng là tiêu chí để đánh giá về tài chính – thương mại, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án, thời gian hoàn vốn, giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSYC.

Nhà đầu tư đề xuất vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng (sau khi được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch) không cao hơn yêu cầu về vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng tại HSYC được đề nghị trúng thầu.

4.2.1.3. Phương pháp dựa trên tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước

Phương pháp dựa trên tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước là phương pháp để đánh giá nhà đầu tư đề xuất phương án thực hiện dự án có hiệu quả đầu tư cao nhất, các nội dung khác có liên quan đã được xác định rõ trong HSYC. Hiệu quả đầu tư được đánh giá thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng tiền hoặc đề xuất thời hạn hợp đồng.

Nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước (sau khi được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch) không thấp hơn hoặc thời hạn hợp đồng (sau khi được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch) không cao hơn so với yêu cầu tại HSYC được đề nghị trúng thầu.

4.2.1.4. Phương pháp dựa trên các tiêu chuẩn kết hợp

Đối với các dự án không áp dụng được các phương pháp đánh giá nêu trên, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt tiêu chuẩn kết hợp quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật PPP trong HSYC trên cơ sở bảo đảm mục tiêu minh bạch và hiệu quả kinh tế trong lựa chọn nhà đầu tư. Trong trường hợp này, bên mời thầu phải xây dựng nguyên tắc xét duyệt trúng thầu tương ứng.].

4.3. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại (áp dụng đối với hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước)

4.3.1. Việc đánh giá về tài chính - thương mại được thực hiện theo phương pháp trên cơ sở tiêu chuẩn về giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước tối đa cho nhà đầu tư. Giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước tối đa bằng tổng mức đầu tư công trình dự án BT tại quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh, quyết định phê duyệt dự toán của công trình dự án BT (nếu có) và các chi phí khác sau giai đoạn xây dựng, trong đó có lãi vay sau giai đoạn xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư.

4.3.2. Nhà đầu tư đề xuất giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước (sau khi được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch) không cao hơn giá trị tối đa quy định tại HSYC được đề nghị trúng thầu.

4.4. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại (áp dụng đối với hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất)

4.4.1. Việc đánh giá về tài chính - thương mại được thực hiện theo phương pháp trên cơ sở tiêu chuẩn về tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước do nhà đầu tư tự đề xuất trong HSDX. HSYC không quy định tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước.

4.4.2. Nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu trên cơ sở tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước do nhà đầu tư tự đề xuất tại HSDX.

C. Nguyên tắc xác định giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng:

Căn cứ cơ cấu nguồn vốn của dự án, nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng PPP hoàn thành quy định tại Luật PPP và quy định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu phải xác định nội dung quyết toán tại Phần này.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU DỰ THẦU

1. Mẫu số 01: Đơn dự thầu
2. Mẫu số 02: Giấy uỷ quyền
3. Mẫu số 03: Thoả thuận liên danh
4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư và các đối tác cùng thực hiện
5. Mẫu số 05: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
6. Mẫu số 06: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
7. Mẫu số 07: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện
8. Mẫu số 08: Đề xuất về kỹ thuật
9. Mẫu số 09: Tổng hợp phương án tài chính – thương mại
10. Mẫu số 10: Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng
11. Mẫu số 11: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu của dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) phát hành ngày ____ [ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ yêu cầu cho nhà đầu tư] và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ ngày ____ [ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có], chúng tôi, ____ [ghi tên nhà đầu tư] cam kết thực hiện dự án nêu trên theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Chúng tôi nộp đơn dự thầu với dự án nêu trên và cam kết thực hiện đề xuất về tài chính – thương mại với nội dung sau:

Căn cứ vào phương pháp đánh giá về tài chính – thương mại, bên mời thầu sử dụng một trong các mẫu bảng sau để đưa vào Mẫu này: Đơn dự thầu:

- Bảng số 01 (áp dụng đối với phương pháp giá, phí sản phẩm, dịch vụ công):

Nội dung	Số tiền⁽²⁾ (Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)					
	Năm 1	Năm 2	...	...	...	Năm n ⁽³⁾
Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công						

- Bảng số 02 (áp dụng đối với phương pháp vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng):

Nội dung	Số tiền⁽²⁾ (Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)
Phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng	

- Bảng số 03 (áp dụng đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước):

Nội dung	Đề xuất
Số tiền đề xuất nộp vào ngân sách nhà nước	Số tiền⁽²⁾ (Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)
Hoặc	
Thời hạn hợp đồng	Số tháng/năm (Ghi rõ thời hạn hợp đồng, bằng số, bằng chữ)
Hoặc	
Tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách	Tỷ lệ %⁽²⁾

nhà nước	(Ghi rõ tỷ lệ phần trăm bằng số, bằng chữ)
- Bảng số 04 (áp dụng đối với phương pháp giá trị thanh toán):	
Nội dung	Giá trị thanh toán⁽²⁾ (Ghi rõ giá trị thanh toán bằng số, bằng chữ bằng đồng Việt Nam)
Giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước	

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Chúng tôi cam kết⁽⁴⁾:

1. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư.

3. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP, pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.

4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là chính xác, trung thực.

5. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [ghi số ngày]⁽⁵⁾, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư⁽⁶⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]⁽⁷⁾

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của HSDX.

(2) Số tiền, tỷ lệ, giá trị trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với Bảng tổng hợp phương án tài chính, không đề xuất

khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

(3) Ghi theo năm hoặc khoảng thời gian phù hợp (tháng, quý...) căn cứ theo yêu cầu của bên mời thầu.

(4) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, HSDX bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(5) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 14 CDNDT. Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(6) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 8 CDNDT.

(7) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDX là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND/CCCD/số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà đầu tư] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà đầu tư], bằng văn bản này ủy quyền cho: ____ [ghi tên, số CMND/CCCD/số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà đầu tư]. _____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do _____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽¹⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của HSĐX một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽²⁾]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng___ năm___ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ [*ghi tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ___ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ____ [ghi tên một thành viên] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau (có thể điều chỉnh, bổ sung theo thỏa thuận của các bên):

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh ⁽¹⁾[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 [Đứng đầu liên danh]			[tối thiểu 30%]
2	Thành viên 2			[tối thiểu 15%]
...				
Tổng				100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
- Liên danh không trúng thầu;
- Hủy thầu thông báo của bên mời thầu.
- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành ____ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ____ bản, nộp kèm theo HSDX 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ⁽²⁾

*[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh,
ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 8 CDNDT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư ⁽²⁾ :
3. Năm thành lập công ty:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện⁽²⁾

TT	Tên đối tác ⁽³⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽⁴⁾	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng với đối tác ⁽⁵⁾
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]		
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây lắp]		
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]		
					

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

(2) Kê khai Mục này trong trường hợp dự án áp dụng hình thức đấu thầu trong nước nhưng cần sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quốc tế, nhà đầu tư trong nước sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài đối với có sự tham gia của các đối tác nước ngoài.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “vai trò tham gia”. Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho bên mời thầu. Trường hợp kê khai, sau khi trúng thầu, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có) thay đổi tên, công việc mà đối tác thực hiện thì thông báo cho bên mời thầu, cơ quan ký kết hợp đồng.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(5) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác phải được ký với đại diện hợp pháp của các bên. Đại diện hợp pháp của các bên là người đại diện theo pháp luật của các bên hoặc người được người đại diện hợp pháp của các bên ủy quyền.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾**1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:****a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽³⁾:**

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	
5	Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư	$(5) = (1) - (2) - (3) - (4)$

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán kể từ thời điểm thành lập đến thời điểm tham gia dự án PPP hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán; đồng thời, đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án PPP.

- Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình

hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có). Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và bị loại.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu, tổ chuyên gia bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

**CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH,
TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

1. Tôi là ____ [ghi tên], ____ [ghi chức vụ], là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư], xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị ⁽¹⁾
I. Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án:	
1.	
2.	
...	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
...	
III. Vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án	
1.	
2.	
...	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Đối với vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu: Thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư mua trái phiếu hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và nhà đầu tư.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

Mẫu số 07

LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà đầu tư: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà đầu tư liên danh (nếu có): _____

Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện

Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:

Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện.

Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).

Năm	Mô tả dự án/hợp đồng	Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện	Giá trị tranh chấp, khiếu kiện ⁽²⁾ (VND)	Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu
	Mô tả dự án/hợp đồng: _____ Tên cơ quan ký kết hợp đồng: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành dự án/hợp đồng: _____			

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà

không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Luật PPP và HSDX sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSYC, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Trường hợp giá trị tranh chấp, khiếu kiện không phải là Đồng Việt Nam thì nhà đầu tư phải quy đổi theo quy định tại Mục 9.2 CDNĐT.

ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng dự án cụ thể và tiêu chuẩn đánh giá HSDX, bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về mặt kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá HSDX, gồm các nội dung sau đây:

a) Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án bảo đảm cung cấp công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ liên tục, ổn định với chất lượng được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ trên cơ sở yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;

c) Phân kỳ hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng sản phẩm khoa học, công nghệ theo 02 giai đoạn, gồm: giai đoạn nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và giai đoạn ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; thuyết minh sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong giai đoạn 1 của dự án: phương pháp nghiên cứu; sản phẩm, kết quả nghiên cứu dự kiến, yêu cầu chất lượng, nhu cầu sử dụng tài nguyên và nguồn nhân lực; khả năng thương mại hóa, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; đề xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu tại giai đoạn 2 của dự án (đối với dự án PPP kết hợp hoạt động đầu tư, xây dựng, vận hành hạ tầng khoa học, công nghệ và hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo);

d) Phương án vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án;

đ) Các yêu cầu về môi trường, an toàn được xem xét trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường;

e) Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

g) Nội dung khác (nếu có).

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH – THƯƠNG MẠI
(không áp dụng đối với hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất)

Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về tài chính – thương mại và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá HSDX.

Nhà đầu tư cần nộp mô hình tài chính bằng cả bản in và bản điện tử (dạng file excel hoặc theo yêu cầu của bên mời thầu) theo các yêu cầu sau đây:

A. Cấu trúc của mô hình tài chính

- Cấu trúc mô hình rõ ràng và trình bày chuyên nghiệp;
- Được lập trên ứng dụng Microsoft Excel hoặc ứng dụng khác;
- Trình bày số tiền hàng triệu với 2 chữ số thập phân;
- Không có bất cứ trang nào hoặc ô nào bị ẩn hoặc bảo vệ bằng mã số;
- Tính toán cần phải được chia tách hợp lý để có thể dễ dàng theo dõi trên màn hình hoặc trên trang giấy;
- Các ô có chứa số cố định cần được bôi màu vàng;
- Mô hình tài chính cần được chia thời kỳ theo năm;

B. Tài liệu giả định

Nhà đầu tư cần cung cấp mô tả chi tiết các giả định được sử dụng trong mô hình tài chính. Các giả định phải gồm các phần:

- Kế hoạch chi phí xây dựng và chi phí vận hành;
- Bản tóm tắt kế hoạch huy động vốn, gồm tất cả các phí và chi phí tài chính;
- Giả định dự báo nhu cầu và doanh thu của dự án;
- Giả định về kinh tế vĩ mô;
- Giả định về thuế;
- Chính sách kế toán và tỷ lệ khấu hao;
- Các giả định cần thiết khác để xây dựng mô hình tài chính.

Các giả định nêu trong tài liệu giả định phải phù hợp với mô hình tài chính.

C. Hướng dẫn sử dụng mô hình tài chính

Nhà đầu tư cần nộp tài liệu hướng dẫn, giải thích các chức năng của mô hình tài chính và cấu trúc của mô hình.

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà đầu tư trúng thầu*]
(sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư)

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng.*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ [*Ghi số, ngày ký quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư*] của ____ [*ghi tên cơ quan có thẩm quyền*] (sau đây gọi tắt là cơ quan có thẩm quyền) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án ____ [*ghi tên dự án*], ____ [*ghi tên bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) xin thông báo cơ quan có thẩm quyền đã chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án ____ [*ghi tên dự án*] với thông tin hợp đồng là ____ [*ghi giá, phí sản phẩm, dịch vụ công/phần vốn góp nhà nước/giá trị nộp ngân sách nhà nước/thời hạn hợp đồng/tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước/giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư*] với thời hạn hợp đồng là ____ [*ghi thời hạn hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng với cơ quan có thẩm quyền, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm đàm phán, hoàn thiện hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*].

Đề nghị Nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 11 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ yêu cầu với số tiền ____ và thời gian có hiệu lực ____ [*ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 29.1 CDĐT của hồ sơ yêu cầu*].

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà đầu tư phải có văn bản chấp thuận đến đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà đầu tư phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà đầu tư vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu và cam kết sẽ nộp phương án bảo đảm huy động vốn chủ sở hữu, các tài liệu chứng minh bảo đảm đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu (trường hợp áp dụng) để Cơ quan có thẩm quyền giám sát tiến độ huy động vốn của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án. Cơ quan có thẩm quyền sẽ

từ chối đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

Nếu đến ngày____ [*ghi ngày cụ thể, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng*] mà Nhà đầu tư không tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu tư sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của bên mời thầu
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng*]
(sau đây gọi tắt là Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên nhà đầu tư*] là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án ____ [*ghi tên dự án*] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) và cam kết sẽ ký kết hợp đồng để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi tắt là Hợp đồng);
(2)

Theo quy định trong HSYC (*hoặc hợp đồng*), Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽³⁾], xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 10 CDNĐT*].

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là ____ [*ghi bằng chữ*] [*ghi bằng số*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày ____ cho đến hết ngày ____.⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

(2) Nếu ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên nhà đầu tư*] là nhà đầu tư trúng thầu dự

án ____ [*ghi tên dự án*] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) đã ký hợp đồng số [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 29.1 CDNĐT.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu căn cứ nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế, dự toán (trường hợp áp dụng) đã được phê duyệt của dự án để xác định yêu cầu thực hiện dự án (trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo HSYC các tài liệu này). Yêu cầu thực hiện dự án gồm:

1. Thông tin về dự án

1. Mục tiêu dự án:

2. Quy mô dự án (dự kiến):

3. Địa điểm thực hiện dự án:

4. Nhu cầu sử dụng đất, mặt nước và tài nguyên khác (nếu có) được sử dụng để thực hiện dự án:

5. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

6. Thời gian thực hiện dự án:

7. Loại hợp đồng dự án:

8. Tổng mức đầu tư của dự án:

Trong đó:

8.1. Phần vốn nhà nước trong dự án, cách thức quản lý và sử dụng phần vốn này (nếu có):

a) Vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

b) Vốn chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm

c) Vốn thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, hợp đồng BLT, hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước

d) Giá trị vốn nhà nước tại điểm a và điểm b nêu trên chiếm tỷ lệ ...% tổng mức đầu tư

đ) Chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

e) Vốn nhà nước được sử dụng để chi trả phần giảm doanh thu; chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

8.2. Vốn do nhà đầu tư huy động, cơ cấu vốn chủ sở hữu, vốn vay

8.3. Khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (dự kiến): (đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng)

9. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

9.1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có)

9.2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có)

9.3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi (nếu có)

9.4. Các bảo đảm đầu tư khác: Cơ sở pháp lý của hình thức bảo đảm; đối tượng và điều kiện hưởng bảo đảm

10. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu

10.1. Dự án này áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu theo quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật PPP

10.2. [Trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu] Dự án này áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 82 của Luật PPP như sau: Điều kiện, phương án chia sẻ và nguồn vốn dự kiến sử dụng để chi trả phần giảm doanh thu

11. Tên cơ quan có thẩm quyền:

12. Tên cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư:

13. Tên nhà đầu tư đề xuất dự án (trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất)

II. Yêu cầu thực hiện dự án

1. Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp

- Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp thông qua chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

- Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ thực hiện dự án. Nhà đầu tư có thể đề xuất phương án kỹ thuật, công nghệ khác đáp ứng chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật và mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

- Tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, trong đó gồm yêu cầu về việc bảo đảm tính liên tục trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

2. Yêu cầu về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh

- Yêu cầu về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của nhà đầu tư.

- Yêu cầu về phương thức để cơ quan có thẩm quyền phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong quá trình kinh doanh hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của dự án.

- Yêu cầu về phương thức giám sát để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ ổn định, liên tục, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

- Yêu cầu cung cấp bảo lãnh bảo đảm tính liên tục (nếu cần thiết);

3. Yêu cầu về môi trường và an toàn

- Yêu cầu về môi trường và an toàn mà nhà đầu tư phải bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, quản lý, vận hành, kinh doanh hàng hóa, sản phẩm hoặc dịch vụ công.

- Yêu cầu về đánh giá tác động tiêu cực đối với môi trường và biện pháp khắc phục;

4. Yêu cầu tài chính – thương mại của dự án

- Trường hợp HSYC sử dụng phương pháp giá, phí sản phẩm, dịch vụ công để đánh giá về tài chính – thương mại, tại Mục này xác định rõ thời gian hoàn vốn và các yếu tố liên quan (vốn góp Nhà nước...); các yếu tố này cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, HSYC xác định mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công tối đa để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

- Trường hợp HSYC sử dụng phương pháp vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng để đánh giá về tài chính – thương mại, tại Mục này xác định rõ thời gian hoàn vốn, giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và các yếu tố có liên quan (giá, phí sản phẩm, dịch vụ công...); các yếu tố này cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, HSYC xác định mức vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng tối đa để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

- Trường hợp HSYC sử dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước để đánh giá về tài chính – thương mại, tại Mục này xác định rõ các nội dung có liên quan (giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng, thời gian hoàn vốn...) cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Hiệu quả đầu tư được xác định thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc thời hạn hợp đồng. HSYC phải xác định mức giá trị nộp ngân sách nhà nước tối thiểu hoặc thời hạn hợp đồng tối đa để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

- Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất, đề xuất về tài chính – thương mại được xác định thông qua tiêu chí tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước. HSYC không quy định tỷ lệ gia tăng nộp ngân sách nhà nước mà quy định nguyên tắc nhà đầu tư tự đề xuất tỷ lệ này.

- Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng được phê duyệt, thiết kế kỹ thuật, dự toán (nếu có), HSYC xác định giá trị thanh toán bằng ngân sách nhà nước tối đa cho nhà đầu tư để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

PHẦN 3: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở các nội dung hướng dẫn lập hợp đồng mẫu dự án PPP quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, Điều 14 và Điều 16 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP, căn cứ tính chất, quy mô, loại hợp đồng dự án cụ thể và mẫu hợp đồng chuyên ngành do cơ quan quản lý ngành ban hành, cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu xây dựng dự thảo hợp đồng, biểu mẫu hợp đồng và đính kèm trong HSYC. Dự thảo hợp đồng gồm các điều khoản để làm cơ sở cho các bên đàm phán, hoàn thiện, ký kết và thực hiện hợp đồng, bảo đảm phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục IV.A¹
**MẪU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH
DOANH DO NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT**

*(Kèm theo Thông tư số 98/2026/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mẫu này bao gồm:

1. Văn bản đề xuất dự án
2. Mẫu Đề xuất dự án

¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

VĂN BẢN ĐỀ XUẤT DỰ ÁN²

Kính gửi: [ghi tên cơ quan có thẩm quyền].

_____ [ghi tên nhà đầu tư] đề xuất thực hiện dự án _____ [ghi tên dự án] với các thông tin như sau:

1. Thông tin về nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư thứ nhất:

- Mã số thuế (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính hoặc địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:

Họ tên:

Chức danh:

b) Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): kê khai thông tin tương tự.

2. Thông tin sơ bộ về dự án đề xuất

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Sơ bộ quy mô đầu tư:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Diện tích khu đất, khu vực thực hiện dự án (nếu có):
- Sơ bộ tổng vốn đầu tư:
- Thời hạn hoạt động, dự kiến tiến độ thực hiện dự án:

3. Cam kết của nhà đầu tư

a) Chịu mọi chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án trong mọi trường hợp, kể cả trường hợp thông tin dự án không được phê duyệt, công bố hoặc nhà đầu tư không đáp ứng điều kiện mời quan tâm hoặc trúng thầu;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin kê khai tại Văn bản đề xuất dự án, Đề xuất dự án và các tài liệu kèm theo.

² Mẫu Văn bản đề xuất được sử dụng đến hết ngày 31/12/2026.

4. Tài liệu kèm theo

Đề xuất dự án theo Mẫu Đề xuất dự án và các tài liệu đính kèm.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN³

Kính gửi: [ghi tên cơ quan có thẩm quyền].

_____ [ghi tên nhà đầu tư] đề xuất thực hiện dự án _____ [ghi tên dự án] với các thông tin như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

- Họ tên: Giới tính:
 - Ngày sinh: Quốc tịch:
 - (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân⁴) số:; ngày
 cấp:; nơi
 cấp:

- Địa chỉ liên hệ:
 - Mã số thuế (nếu có):
 - Điện thoại⁵: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

- Tên nhà đầu tư:
 - (Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức⁶) số:; ngày
 cấp:; cơ quan cấp:
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Mã số thuế:

³ Mẫu Hồ sơ đề xuất được sử dụng đến hết ngày 31/12/2026, áp dụng đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

⁴ Là một trong các loại giấy tờ sau: thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước công dân còn giá trị sử dụng, căn cước điện tử, hộ chiếu, giấy tờ cá nhân hợp pháp khác.

⁵ Số điện thoại, email nhà đầu tư đã đăng ký được sử dụng để nhận thông báo về tình trạng hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh).

⁶ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

- Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):
.....

- Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư: Họ tên: Chức danh:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

1. Tên dự án:
2. Mục tiêu: *[Nêu mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể của dự án; sản phẩm, dịch vụ cung cấp]*
3. Quy mô đầu tư: *[Nêu quy mô diện tích, công suất thiết kế; danh mục hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ (nếu có)]*
4. Vốn đầu tư: *[Nêu tổng vốn đầu tư; sơ bộ phương án huy động vốn gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động (nếu có)]*
5. Địa điểm thực hiện dự án: *[Nêu địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý của khu đất, khu vực thực hiện dự án]*
6. Hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án: *[Nêu hiện trạng sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; diện tích đất, diện tích mặt nước dự kiến sử dụng (nếu có)]*
7. Mục đích sử dụng đất:
8. Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt: *[Nêu mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình và các chỉ tiêu khác theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt]*
9. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: *[Nêu thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ chuẩn bị đầu tư, xây dựng, đưa vào khai thác, vận hành]*
10. Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có):
11. Tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có):

III. THUYẾT MINH SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN

1. Thuyết minh việc dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP: *[Nêu rõ điểm, khoản áp dụng; đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, thuyết minh việc quỹ*

đất dự kiến thực hiện dự án đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP]

2. Thuyết minh sự phù hợp của dự án với căn cứ phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP:

a) Sự phù hợp với một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch: *[Nêu rõ tên, số, ngày văn bản phê duyệt quy hoạch và nội dung phù hợp]*

b) Việc khu đất thực hiện dự án thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất): *[nêu rõ tên, số, ngày văn bản được phê duyệt...]*

c) Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP: sự phù hợp với quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung (đối với trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn); chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (nếu có): *[nêu rõ tên, số, ngày văn bản được phê duyệt...]*

d) Đối với dự án được nhà đầu tư đề xuất áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (trừ trường hợp dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 45 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP), *[thuyết minh lý do, căn cứ đề xuất (nếu có)]*:

IV. THUYẾT MINH NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN (nếu có)

1. Sơ bộ đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: *[Dự kiến đóng góp cho ngân sách nhà nước; số lượng việc làm tạo ra; tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương]*

2. Nhận dạng, dự báo sơ bộ các tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

3. Nhu cầu sử dụng hạ tầng kỹ thuật:

4. Nhu cầu về lao động:

5. Đề xuất, kiến nghị khác:

V. CÁC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Hồ sơ, tài liệu pháp lý về tư cách, năng lực nhà đầu tư *[Nhà đầu tư đính kèm hồ sơ, tài liệu]*.

2. Tài liệu khác (nếu có) *[Nhà đầu tư đính kèm tài liệu khác (nếu có)]*.

_____ *[ghi tên nhà đầu tư]* chịu mọi chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án; cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản đề xuất dự án và các tài liệu kèm theo.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục IV.B¹
MẪU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH
DO NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT
(E-HSĐXDA)

*(Kèm theo Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mẫu này bao gồm:

- Văn bản đề xuất dự án (E-VBĐXDA)
- Mẫu Đề xuất dự án (E-ĐXDA)

¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

(Webform trên Hệ thống)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc****VĂN BẢN ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

Kính gửi: [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền].

_____ [Hệ thống tự trích xuất tên nhà đầu tư] đề xuất thực hiện dự án _____
 [Ghi tên dự án] với các thông tin như sau:

1. Thông tin về nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư thứ nhất:

- Mã số thuế (nếu có): [Hệ thống tự trích xuất]
- Địa chỉ trụ sở chính hoặc địa chỉ liên hệ: [Hệ thống tự trích xuất]
- Điện thoại: [Hệ thống tự trích xuất]
- Email: [Hệ thống tự trích xuất]
- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:

Họ tên: [Hệ thống tự trích xuất]

Chức danh: [Hệ thống tự trích xuất]

b) Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): kê khai thông tin tương tự.

2. Thông tin sơ bộ về dự án đề xuất

- Tên dự án:
- Mục tiêu:.....
- Sơ bộ quy mô đầu tư:.....
- Địa điểm thực hiện dự án:.....
- Diện tích khu đất, khu vực thực hiện dự án (nếu có):.....
- Sơ bộ tổng vốn đầu tư:.....
- Thời hạn hoạt động, dự kiến tiến độ thực hiện dự án:.....

3. Cam kết của nhà đầu tư

a) Chịu mọi chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án trong mọi trường hợp, kể cả trường hợp thông tin dự án không được phê duyệt, công bố hoặc nhà đầu tư không trúng thầu;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin kê khai tại Văn bản đề xuất dự án, Đề xuất dự án và các tài liệu kèm theo.

4. Tài liệu kèm theo

Đề xuất dự án theo Mẫu E-DXDA và các tài liệu đính kèm.

(Webform trên Hệ thống)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc****ĐỀ XUẤT DỰ ÁN DO NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT (E-ĐXDA)**

Kính gửi: [Ghi tên cơ quan có thẩm quyền].

_____ [Hệ thống tự trích xuất tên nhà đầu tư] đề xuất thực hiện dự án _____
 [Ghi tên dự án] với các thông tin như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT²**1. Nhà đầu tư thứ nhất:***a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

- Họ tên: [Hệ thống tự trích xuất] Giới tính: [Hệ thống tự trích xuất]
- Ngày sinh: [Hệ thống tự trích xuất] Quốc tịch: [Hệ thống tự trích xuất]
- (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số: [Hệ thống tự trích xuất] ;
 ngày cấp: [Hệ thống tự trích xuất] ; nơi cấp: [Hệ thống tự trích xuất]

- Địa chỉ liên hệ:[Hệ thống tự trích xuất]

- Mã số thuế (nếu có):[Hệ thống tự trích xuất]

- Điện thoại³: ...[Hệ thống tự trích xuất] Email: [Hệ thống tự trích xuất]

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

- Tên nhà đầu tư: [Hệ thống tự trích xuất]

- (Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức⁴) số: ...[Hệ thống tự trích xuất] ; ngày cấp: [Hệ thống tự trích xuất] ; cơ quan cấp: [Hệ thống tự trích xuất]

- Địa chỉ trụ sở chính:[Hệ thống tự trích xuất]

- Mã số thuế:[Hệ thống tự trích xuất]

- Điện thoại: [Hệ thống tự trích xuất] Email: [Hệ thống tự trích xuất]

- Website (nếu có): [Hệ thống tự trích xuất]

² Nhà đầu tư đề xuất thực dự án phải cập nhật cơ sở dữ liệu về nhà đầu tư trên Hệ thống trước khi nộp mẫu này. Mẫu này áp dụng đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

³ Số điện thoại, email nhà đầu tư đã đăng ký được sử dụng để nhận thông báo về tình trạng hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

⁴ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

- Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư: Họ tên: *[Hệ thống tự trích xuất]* Chức danh: *[Hệ thống tự trích xuất]*

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

1. Tên dự án:
2. Mục tiêu: *[Nêu mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể của dự án; sản phẩm, dịch vụ cung cấp]*
3. Quy mô đầu tư: *[Nêu quy mô diện tích, công suất thiết kế; danh mục hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ (nếu có)]*
4. Vốn đầu tư: *[Nêu tổng vốn đầu tư; sơ bộ phương án huy động vốn gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động (nếu có)]*
5. Địa điểm thực hiện dự án: *[Nêu địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý của khu đất, khu vực thực hiện dự án]*
6. Hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án: *[Nêu hiện trạng sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; diện tích đất, diện tích mặt nước dự kiến sử dụng (nếu có)]*
7. Mục đích sử dụng đất:
8. Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt: *[Nêu mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình và các chỉ tiêu khác theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt]*
9. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: *[Nêu thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ chuẩn bị đầu tư, xây dựng, đưa vào khai thác, vận hành]*
10. Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có):
11. Tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có):

III. THUYẾT MINH SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN

1. Thuyết minh việc dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP: *[Nêu rõ điểm, khoản áp dụng; đối với dự án đầu tư có sử dụng đất, thuyết minh việc quỹ đất dự kiến thực hiện dự án đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP]*

2. Thuyết minh sự phù hợp của dự án với căn cứ phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP:

a) Sự phù hợp với một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch: *[Nêu rõ tên, số, ngày văn bản phê duyệt quy hoạch và nội dung phù hợp]*

b) Việc khu đất thực hiện dự án thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất): *[nêu rõ tên, số, ngày văn bản được phê duyệt...]*

c) Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP: sự phù hợp với quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung (đối với trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn); chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (nếu có):

d) Đối với dự án được nhà đầu tư đề xuất áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (trừ trường hợp dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 45 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP), thuyết minh lý do, căn cứ đề xuất (nếu có):.....

IV. THUYẾT MINH NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN (nếu có)

1. Sơ bộ đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: *[Dự kiến đóng góp cho ngân sách nhà nước; số lượng việc làm tạo ra; tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương]*

2. Nhận dạng, dự báo sơ bộ các tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

3. Nhu cầu sử dụng hạ tầng kỹ thuật: *[Cấp điện, cấp nước, thoát nước, viễn thông và nhu cầu khác]*

4. Nhu cầu về lao động:

5. Đề xuất, kiến nghị khác:

V. CÁC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM⁵

1. Hồ sơ, tài liệu pháp lý về tư cách, năng lực nhà đầu tư *[Nhà đầu tư đính kèm hồ sơ, tài liệu]*⁶.

⁵ Trường hợp nhà đầu tư chưa cập nhật cơ sở dữ liệu thì cập nhật trước khi đề xuất dự án.

⁶ Hệ thống tự trích xuất hồ sơ, tài liệu pháp lý về tư cách, năng lực nhà đầu tư từ cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà đầu tư theo quy định tại Điều 73 của Nghị định số 274/2026/NĐ-CP kể từ ngày 01/01/2027.

2. Tài liệu khác (nếu có) [*Nhà đầu tư đính kèm tài liệu khác (nếu có)*].

_____ [*Hệ thống tự trích xuất tên nhà đầu tư*] chịu mọi chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án; cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản đề xuất dự án và các tài liệu kèm theo.

Ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ⁷

[*xác nhận ký số*]

⁷ Hệ thống tự trích xuất tên Nhà đầu tư. Nhà đầu tư xác nhận ký số E-HSĐXDA. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có chữ ký số thì phải cung cấp tài liệu chứng minh chữ ký trong văn bản đăng ký thực hiện dự án và các tài liệu khác trong E-HSĐKTHDA là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và đính kèm tài liệu này trên Hệ thống.

Phụ lục IV.C¹
MẪU VĂN BẢN PHÊ DUYỆT THÔNG TIN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH
DO NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT

*(Kèm theo Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 129/2026/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026.

Số: /...

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh dự án [ghi tên dự án]
(Áp dụng đối với Dự án do nhà đầu tư đề xuất, không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)

..... [CHỨC VỤ NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

Căn cứ ... [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền];

Xét hồ sơ đề xuất dự án của ... [tên nhà đầu tư] và Văn bản đề nghị số ... ngày ... của ... [cơ quan, đơn vị được giao xem xét hồ sơ];

Xét đề nghị của[chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ],

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất với các nội dung như sau:

- a) Tên dự án:.....
- b) Mục tiêu:.....
- c) Quy mô đầu tư:.....
- d) Vốn đầu tư:.....
- đ) Địa điểm thực hiện dự án:.....
- e) Hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án:.....
- g) Mục đích sử dụng đất:.....
- h) Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt:
- i) Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:.....
- k) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có).....
- l) Tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có):

m) Nội dung khác có liên quan (nếu có):

Điều 2. Giao ... *[tên cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao]* đăng tải thông tin dự án đầu tư kinh doanh nêu trên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- ... *[tên nhà đầu tư]*;
-;
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)